

Số: 164/BC-UBND

Trà Vinh, ngày 02 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ
phát triển kinh tế - xã hội tháng 6 và 6 tháng đầu năm;
nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2021**

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HĐND TỈNH VỀ NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Thực hiện Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, sáu tháng đầu năm trong bối cảnh, tình hình có nhiều khó khăn, thách thức như: dịch Covid-19 diễn biến phức tạp và tiềm ẩn lây lan diện rộng, tình hình sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng nông sản chưa ổn định, ... đã tác động bất lợi đến kinh tế - xã hội của tỉnh. Trước tình hình khó khăn trên, được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, nỗ lực chung sức của các ngành, địa phương, doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, kinh tế - xã hội tháng 6 và 6 tháng đầu năm đạt được một số kết quả sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC THÁNG 6 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM

1. Tài chính, ngân hàng

Tổng thu ngân sách tháng 6 đạt 997,7 tỷ đồng, lũy kế 6 tháng thu 9.207,9 tỷ đồng, đạt 90,5% dự toán, tăng 51,6% so với cùng kỳ⁽¹⁾, trong đó: thu nội địa 2.979,3 tỷ đồng, đạt 59,6% dự toán, tăng 20,9% so với cùng kỳ, có 11/17 khoản thu cao hơn cùng kỳ⁽²⁾ và đạt trên 50% dự toán⁽³⁾ (trong đó có 01 khoản thu vượt dự toán). Điều hành chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã

¹ Nếu loại trừ thu chuyển nguồn, số dư tạm ứng, kinh phí cải cách tiền lương (3.745 tỷ đồng) thì tổng thu 6 tháng đạt 5.462,9 tỷ đồng, đạt 53,7% dự toán.

² Gồm: Thu từ DNTW tăng 11,6%; Thu từ DN có vốn ĐTNN tăng 73,8%; Thu từ kinh tế ngoài quốc doanh tăng 20,6%; Thu thuế bảo vệ môi trường tăng 0,8%; Thu Lệ phí trước bạ tăng 26,4%; Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tăng 50,9%; Thu tiền cho thuê đất, mặt nước gấp 7,1 lần; Thu tiền sử dụng đất tăng 30,4%; Thu tiền thuê và bán nhà thuộc SHNN tăng 97,1%; Thu từ hoạt động XSKT tăng 35,8%; Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản gấp 6,2 lần.

³ Các khoản thu trên 50% và vượt dự toán gồm: Thu từ khu vực DNNN địa phương (52,9%); Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN (đạt 67,1%); Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (54,5%); Thuế thu nhập cá nhân (đạt 54,9%); Thuế bảo vệ môi trường (50,9%); Lệ phí trước bạ (57,8%); Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (54,3%); Thu tiền sử dụng đất (51%); Thu từ hoạt động XSKT (đạt 76,6%); Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản (349,6%).

hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trong tháng 6 chi ngân sách 1.861,5 tỷ đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm chi 4.457,1 tỷ đồng, đạt 41,2% dự toán, tăng 16,2% so với cùng kỳ.

Tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ khắc phục khó khăn cho khách hàng vay vốn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, đến nay các tổ chức tín dụng (TCTD) đã thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN cho 233 khách hàng, với dư nợ 38,48 tỷ đồng. Mặt bằng lãi suất cho vay duy trì ở mức thấp, ước đến cuối tháng 6/2021, tổng vốn hoạt động của các TCTD đạt 38.450 tỷ đồng, tăng 5,2% so với cuối năm 2020, dư nợ cho vay đạt 30.650 tỷ đồng⁽⁴⁾, tăng 5,4% so với cuối năm 2020, duy trì nợ xấu dưới mức 2%.

2. Tăng trưởng kinh tế (GRDP):

GRDP tăng trưởng 5,32%⁽⁵⁾, trong đó: khu vực I phục hồi và phát triển khá, tăng trưởng 12,64%; khu vực II giảm 0,35% do công nghiệp sản xuất và phân phối điện sụt giảm⁽⁶⁾; khu vực III tăng 6,84% (trong đó: dịch vụ tăng 7,75%; thuế sản phẩm tăng 2,22%).

3. Kết quả đạt được trên một số ngành, lĩnh vực

3.1. Sản xuất nông nghiệp

Ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các giải pháp ổn định sản xuất, vận động, khuyến khích nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chủ động ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn. Tình hình sản xuất nông nghiệp 6 tháng đầu năm khá thuận lợi, mưa sớm tạo điều kiện để nông dân tích trữ nước sản xuất, giá một số loại nông sản như tôm sú, cua biển, lúa, heo hơi, dừa khô, gà... duy trì ở mức cao; các loại bệnh trên cây trồng, vật nuôi được kiểm soát; năng suất lúa, hoa màu cao hơn cùng kỳ; thủy sản phát triển khá.

Tổng giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản ước 11.829 tỷ đồng, đạt 42,1% kế hoạch, tăng 13,3% so với cùng kỳ, kết quả trên một số lĩnh vực như sau:

- Tái cơ cấu nông nghiệp tiếp tục có sự chuyển biến, các địa phương tập trung chuyển đổi 1.212 ha từ đất trồng lúa sang các loại cây trồng khác và nuôi thủy sản⁽⁷⁾, các huyện Châu Thành, Trà Cú cũng chủ động cải tạo 12ha vườn tạp, giồng tạp, 125,8ha đất trồng mía kém hiệu quả sang trồng hoa màu, dừa, cây ăn trái và nuôi thủy sản. Diện tích nuôi tôm thâm canh mật độ cao tiếp tục

⁴ Trong đó: cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt 17.950 tỷ đồng; cho vay xuất khẩu đạt 450 tỷ đồng; cho vay DNNVV đạt 2.500 tỷ đồng; cho vay chăn nuôi lợn đạt 216,85 tỷ đồng...

⁵ Tăng trưởng GRDP 6 tháng đầu năm: 2014 tăng 8,58%; 2015 tăng 6,12%; 2016 tăng 6,26%; 2017 tăng 10,34%; 2018 tăng 7,39%, 2019 tăng 17%, năm 2020 tăng 3,35%; tăng GRDP 6 tháng đầu năm của tỉnh đứng thứ 07/13 tỉnh, thành trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và đứng thứ 44/63 tỉnh, thành trong cả nước.

⁶ Cắt giảm sản lượng điện theo chỉ đạo của Bộ Công thương nhằm đảm bảo an toàn lưới điện Quốc gia.

⁷ Gồm chuyển sang trồng bắp, màu thực phẩm và trồng cỏ 535 ha, chuyển sang trồng cây ăn trái 424 ha, chuyển sang trồng dừa 203 ha, kết hợp nuôi thủy sản 23 ha, chuyên nuôi thủy sản 27 ha.

được nhân rộng, đến nay được 400 ha⁽⁸⁾ (tăng 53 ha so với cùng kỳ), năng suất bình quân từ 50 - 70 tấn/ha⁽⁹⁾.

- *Cây lúa*: xuống giống 33.306 ha, lũy kế 6 tháng xuống giống 133.064 ha, đạt 68,5% kế hoạch; thu hoạch 61.064ha, năng suất trung bình 6,37 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 1,54 tấn/ha, sản lượng cao hơn 166.070 tấn)⁽¹⁰⁾.

- Tiếp tục chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng màu, cải tạo vườn tạp, phát triển cây ăn trái, cây dứa⁽¹¹⁾, các giống mới, kỹ thuật canh tác tiên tiến được ứng dụng nhiều trong sản xuất và cho năng suất cao. Trong tháng, diện tích gieo trồng cây màu, công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 3.205ha, lũy kế 6 tháng 32.153 ha, đạt 62,3% kế hoạch (cao hơn cùng kỳ 1,7%, tương đương 521ha); vùng nguyên liệu mía đường tiếp tục giảm và chuyển sang trồng màu, nuôi thủy sản.

- *Chăn nuôi*: công tác thú y, kiểm dịch được quan tâm⁽¹²⁾; dịch bệnh trên đàn vật nuôi có xảy ra nhưng đã kịp thời khoanh vùng, khống chế⁽¹³⁾. Tình hình chăn nuôi có những tín hiệu tích cực, chiều hướng phát triển tốt; chăn nuôi nông hộ quy mô trang trại, an toàn sinh học phát triển khá⁽¹⁴⁾; giá bò hơi và gia cầm ổn định ở mức cao, giá heo hơi biến động nhẹ nhưng ở mức cao, các hộ chăn nuôi có lãi nên tiếp tục tăng đàn; tổng đàn bò, đàn heo, đàn dê đều cao hơn cùng kỳ; đàn bò, đàn gia cầm đã vượt kế hoạch năm⁽¹⁵⁾.

- *Thủy lợi nội đồng và phòng chống thiên tai*: thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ mặn, vận hành các công đầu mỗi lấy nước vào nội đồng phục vụ sản xuất, hoàn thành 100% công tác thủy lợi nội đồng. Triều cường gây sạt lún mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh (diện tích 1.436 m²), sạt lún dưới chân tường hắt sóng và đường hành lang sau kè (diện tích 952,5m²);

⁸ Tập trung ở các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, Trà Cú và thị xã Duyên Hải.

⁹ Các huyện Duyên Hải, thị xã Duyên Hải duy trì nuôi tôm sinh thái kết hợp với trồng rừng với diện tích 5.750 ha, các huyện Châu Thành, Cầu Ngang, Duyên Hải duy trì, nhân rộng mô hình lúa – thủy sản 5.600 ha... cho hiệu quả kinh tế cao.

¹⁰ Vụ Đông Xuân năm 2020 bị thiệt hại do xâm nhập mặn làm mất trắng 16.538 ha.

¹¹ Cải tạo và trồng mới được 626 ha cây dứa và cây ăn trái; nâng tổng số đến nay 42.100 ha (18.400ha cây ăn trái, 23.700 ha cây dứa) đạt 99,53% kế hoạch, sản lượng 293,6 ngàn tấn (146,72 ngàn tấn cây ăn trái, 146,88 ngàn tấn dứa) đạt 51,69% kế hoạch, tăng 948 ha và 11,69 ngàn tấn so với cùng kỳ.

¹² 6 tháng đầu năm đã tiêm phòng: cúm gia cầm 1,12 triệu con, LMLM 72,29 ngàn con, Tai xanh heo 3,55 ngàn liều, các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 276,1 ngàn liều ngàn liều và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 1,3 triệu liều. Sử dụng 12.028 lít hóa chất thực hiện tiêu độc khử trùng vụ Đông Xuân, dập dịch và thực hiện tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng cho 396.109 lượt hộ chăn nuôi và 78 điểm chợ. Kiểm dịch xuất, nhập tính 120.351 con heo; 13.988 con bò; 948.384 con gia cầm và 379,75 tấn sản phẩm động vật.

¹³ Bệnh Lở mồm long móng xảy ra tại 62 hộ chăn nuôi bò trên địa bàn huyện Trà Cú, Châu Thành và thành phố Trà Vinh (tổng đàn mắc bệnh 285 con, chết 39 con); Dịch tả lợn Châu Phi tại 02 hộ chăn nuôi, tại xã Song Lộc và Mỹ Chánh, huyện Châu Thành (tổng đàn 113 con, mắc bệnh 94 con, chết 07 con).

¹⁴ Khảo sát, nắm tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn 05 huyện (Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang, Cầu Kè, Tiểu Cần), có 41 hộ chăn nuôi heo quy mô trên 100/hộ con và 31 hộ nuôi gia cầm quy mô bình quân 7.000 con/hộ; các hộ nuôi đều đảm bảo vệ sinh môi trường, xử lý chất bằng hầm biogas, thực hiện tốt công tác tiêm phòng và định kỳ có tiêu độc khử trùng theo quy định.

¹⁵ Ước 6 tháng đầu năm: Đàn bò 220.500 con, vượt 0,2% kế hoạch (tăng 7.050 con so cùng kỳ); đàn heo 210.500 con, đạt 95,7% kế hoạch (tăng 57.215 con); đàn dê 19.500 con, đạt 88,6% kế hoạch (tăng 2.879 con); đàn gia cầm 7,534 triệu con, vượt 0,5% kế hoạch (giảm 83 ngàn con so cùng kỳ).

sạt lở tại xã Đông Hải với chiều dài 2.000 m⁽¹⁶⁾, ngành chuyên môn đã kết hợp với địa phương hỗ trợ người dân khắc phục thiệt hại.

- *Xây dựng nông thôn mới*: triển khai tốt các nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng nông thôn mới và đạt được nhiều kết quả quan trọng: Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Càng Long đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020; toàn tỉnh hiện có 05 đơn vị cấp huyện⁽¹⁷⁾, 69 xã, 91,7% hộ và 92,9% ấp đạt chuẩn nông thôn mới; có 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao⁽¹⁸⁾ và 02 ấp đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu⁽¹⁹⁾.

- *Chương trình OCOP*: công nhận kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2020, gồm 26 sản phẩm⁽²⁰⁾; phê duyệt kết quả chấm điểm sản phẩm đạt 05 sao gửi hồ sơ về Hội đồng cấp trung ương đánh giá, công nhận sản phẩm OCOP quốc gia. Các hoạt động kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm OCOP được thực hiện thường xuyên bằng nhiều hình thức⁽²¹⁾. Xây dựng đề án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình OCOP năm 2021.

- *Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn*: tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường và thực hiện trồng cây xanh tạo cảnh quan môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp” tại xã Đức Mỹ. Hoàn thành Đề án 712⁽²²⁾; khánh thành công trình Trạm cấp nước cồn An Lộc, xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè⁽²³⁾. Trong 6 tháng, lắp đặt cho 6.257 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đến nay đã cung cấp cho 143.665 hộ sử dụng nước máy.

- *Lâm nghiệp*: trồng mới 22 ha rừng tập trung, đạt 34,9% kế hoạch; bảo vệ, chăm sóc 282,714 ha rừng; hoàn thành công tác khoán bảo vệ 329 ha rừng; vệ sinh phòng cháy 254,3 ha rừng phi lao. Tổ chức 642 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý 13 trường hợp vi phạm; cấp 16 mã số cho cơ sở nuôi động vật hoang dã và 08 bảng kê xuất bán động vật hoang dã. Khảo sát, tận thu

¹⁶ Ảnh hưởng 33 hộ dân và 11ha hoa màu (trong đó có 8,5 ha hành tím gần thu hoạch), sạt lở 0,5ha rừng phi lao.

¹⁷ Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh.

¹⁸ Gồm: các xã Long Đức, thành phố Trà Vinh; xã Tân Hùng, Phú Cần, Tân Hòa huyện Tiểu Cần; xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang; xã Thạnh Phú, Ninh Thới, huyện Cầu Kè.

¹⁹ Ấp Nhứt xã Tân Hùng và Ấp Đại Mong xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần

²⁰ Gồm 10 sản phẩm 04 sao, 16 sản phẩm 03 sao.

²¹ Tham gia Ngày hội sản phẩm OCOP và hàng hoá đặc trưng các tỉnh thành năm 2021 tại An Giang; Giới thiệu hỗ trợ về thủ tục để đưa sản phẩm OCOP và đặc sản của tỉnh vào bán tại Siêu thị Tứ Sơn, tỉnh An Giang; Kết nối sản phẩm OCOP với du lịch tại Phú Quốc; In ấn, phát hành 3.000 Sổ tay thông tin sản phẩm theo nhóm ngành hàng chủ lực, sản phẩm OCOP...

²² Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa GD 2017 – 2020 theo QĐ số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017.

²³ Tổng mức đầu tư 6 tỷ đồng, công suất thiết kế 20m³/h đảm bảo cung cấp nước phục vụ cho 140 hộ thường xuyên bị ảnh hưởng bởi hạn hán và xâm nhập mặn và 100 hộ phát triển trong tương lai trên cồn An Lộc, tạo điều kiện để cồn An Lộc phát triển du lịch sinh thái.

và xử lý rừng đước chết tại ấp Đình Cũ, xã Long Khánh (huyện Duyên Hải), tổng diện tích 1,546 ha⁽²⁴⁾.

- *Thủy sản:*

Tổng diện tích nuôi thủy sản trong tháng 5.469 ha, lũy kế 6 tháng 35.927ha, đạt 63,4% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 6.558ha. Do vào thời điểm đầu vụ môi trường nước ao nuôi chưa ổn định, nhiệt độ chênh lệch giữa ngày và đêm lớn ảnh hưởng sức đề kháng tôm nuôi làm thiệt hại 110 triệu con tôm sú (chiếm 9,6% lượng con giống thả nuôi, diện tích 650 ha) và 580 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 18,4% lượng con giống thả nuôi, diện tích 740 ha), chủ yếu là do bệnh đốm trắng, hoại tử gan tụy và vi bào tử trùng, phần lớn tôm chết là nuôi ao đất trong giai đoạn 25 - 40 ngày tuổi.

Tổng sản lượng thủy sản trong tháng 12.202 tấn, lũy kế 6 tháng 91.814 tấn, đạt 38,7% kế hoạch, tăng 2,5% so với cùng kỳ; trong đó: sản lượng nuôi trồng đạt 54.494 tấn, tăng 8,1% so với cùng kỳ⁽²⁵⁾, sản lượng khai thác 37.320 tấn, giảm 4,8% so với cùng kỳ, giảm cả khai thác biển và khai thác nội địa⁽²⁶⁾.

3.2. Sản xuất công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 3.311,4 tỷ đồng, lũy kế 6 tháng 18.938,5 tỷ đồng, đạt 41,9% kế hoạch, tăng 3,2% so cùng kỳ. Sản xuất công nghiệp tiếp tục phục hồi và tăng trưởng, trong đó: công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,5%, hầu hết các sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo đều tăng so với cùng kỳ, trong đó tăng mạnh nhất là sản phẩm túi xách các loại (tăng 78,5%), thuốc viên các loại (tăng 47,2%), thảm dệt các loại (tăng 27,8%), than hoạt tính (tăng 22,5%); công nghiệp khai khoáng tăng 4,7%; công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,6%; riêng công nghiệp sản xuất và phân phối điện giảm 2,8%, do Bộ Công Thương chỉ đạo cắt giảm sản lượng điện nhằm đảm bảo an toàn lưới điện quốc gia.

Phát triển điện: tiếp tục theo dõi, hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện các hồ sơ, thủ tục triển khai các dự án điện gió, điện mặt trời⁽²⁷⁾. Đầu năm đến nay phát triển mới 18,68km đường dây trung thế, 10,05km đường dây hạ thế, 161 trạm biến áp, phát triển mới 1.014 hộ sử dụng điện, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,18%. Triển khai thực hiện giảm giá điện, giảm tiền điện hỗ trợ đợt 2 cho khách hàng trên địa bàn Trà Vinh do dịch Covid-19 theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.

²⁴ Theo Viện Khoa học Nam Bộ, nguyên nhân rừng chết do bị ngập úng, phèn và sâu đục thân.

²⁵ Nuôi nước mặn, lợ 27.942 tấn (tăng 24,5%, trong đó cao nhất là tôm thẻ chân trắng, sản lượng cao hơn cùng kỳ 3.693 tấn); nuôi nước ngọt 26.552 tấn (giảm 5,2%; 1.444 tấn).

²⁶ Trong đó: Khai thác biển giảm 4,2% (1.464 tấn) do giá nhiên liệu tăng và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên số lượng tàu ra khơi không nhiều; Khai thác nội địa giảm 9,7% (giảm 400 tấn) do lượng nước trong nội đồng thấp, ảnh hưởng đến khả năng sinh sản và phát triển các loài thủy sản.

²⁷ Hỗ trợ, theo dõi công tác triển khai thi công 05 dự án với công suất 270MW tại 06 vị trí (V1-1, V1-2, V1-3, V1-4, V1-5 và V1-6); hỗ trợ 04 dự án điện gió với tổng công suất 396MW đã được Bộ Công Thương phê duyệt vào Quy hoạch điện VII điều chỉnh thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư; tiếp tục theo dõi các dự án đề xuất danh mục Quy hoạch điện lực quốc gia (Quy hoạch VIII) của 38 dự án điện gió, điện mặt trời và điện khí, điện rác công suất 10.577 MW; kiểm tra tiến độ triển khai dự án điện gió Hàn Quốc – Trà Vinh (V1-1).

3.3. Thương mại - dịch vụ

Các hoạt động phiên chợ, hội chợ, kết nối thị trường trong và ngoài tỉnh được thực hiện nghiêm theo chỉ đạo của Chính phủ, của Tỉnh ủy về công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Sơ kết công tác chuyển đổi mô hình tổ chức kinh doanh khai thác và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020; thực hiện tốt công tác quản lý thị trường, thông tin kịp thời tình hình cung ứng hàng hóa trên thị trường góp phần ổn định tâm lý tiêu dùng, hạn chế mua hàng tích trữ trước diễn biến của dịch Covid-19. Triển khai các hoạt động hưởng ứng “Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam” năm 2021.

Thị trường hàng hóa dồi dào, đa dạng, tỷ lệ hàng Việt Nam sản xuất phục vụ tiêu dùng chiếm tỷ trọng cao, có sự phối hợp của các đơn vị kinh doanh lớn như Co.op mart, VinMart, GO, Bách Hóa Xanh... tham gia bình ổn thị trường nên không xảy ra tình trạng khan hàng, sốt giá, kể cả các mặt hàng phòng chống dịch Covid-19. Sức mua và tiêu dùng trong dân tăng khá, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 6 đạt 3.127 tỷ đồng, lũy kế 6 tháng 20.807 tỷ đồng, đạt 57,8% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 13,3%, cả 04 lĩnh vực đều tăng khá, trong đó: (i) Bán lẻ hàng hóa tăng 16,8%; (ii) Lưu trữ, ăn uống tăng 36,7%; (iii) Du lịch tăng 23,8% và (iv) Dịch vụ khác tăng 29,1%.

3.4. Công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã

Tổ chức thăm, nắm tình hình sản xuất của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; làm việc với Tổng lãnh sự quán Nhật Bản tại Thành phố Hồ Chí Minh; tổ chức Chương trình họp mặt doanh nghiệp đầu năm Tân Sửu 2021. Quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, HTX kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm⁽²⁸⁾; làm việc và khảo sát thực tế với các Công ty thương mại điện tử như Shopee, Tiki, Sen Đỏ, Viettel nhằm thương thảo, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh phân phối hàng hóa qua các Sàn thương mại điện tử. Tổ chức phiên chợ hàng Việt về nông thôn nhân dịp Tết Quân - Dân tại xã Long Hiệp, huyện Trà Cú⁽²⁹⁾; phê duyệt 03 Đề án khuyến công⁽³⁰⁾.

²⁸ Tổ chức Hội nghị mời 19 DN, HTX tham dự buổi liên kết thị trường, gặp gỡ trao đổi kết nối hàng hoá với Cty CP TM Bách Hoá Xanh trên địa bàn tỉnh; Hỗ trợ 36 DN, HTX, cơ sở sản xuất tham gia Gian hàng Việt trực tuyến; 03 DN tham gia trưng bày, bán sản phẩm tại lễ hội bánh dân gian tại Làng du lịch Mỹ Khánh, thành phố Cần Thơ; 17 cơ sở, DN, HTX trong tỉnh tham gia trưng bày và giới thiệu 28 loại sản phẩm của mình tại Khu trưng bày sản phẩm đặc trưng của tỉnh nhân dịp tổ chức ngày Hội khởi nghiệp tỉnh Trà Vinh năm 2020...

²⁹ Quy mô 60 gian hàng của 17 doanh nghiệp và 04 “Gian hàng 0 đồng” của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Trà Vinh, 04 gian hàng trưng bày các sản phẩm đặc trưng của huyện Trà Cú.

³⁰ “Hỗ trợ ứng dụng máy tiện CNC trong sản xuất gỗ mỹ nghệ” tại Hộ kinh doanh Long Phát – Đường Đồng Khởi, khóm 1, phường 9, TP. Trà Vinh; “Hỗ trợ ứng dụng ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất gỗ mỹ nghệ” tại Hộ kinh doanh Trần Thị Cẩm Vân - Ấp Thanh Xuyên, xã Kim Sơn, huyện Trà Cú; “Hỗ trợ ứng dụng máy hút chân không trong sản xuất hủ tiếu” tại Hộ kinh doanh Thái Trường Bình - Ấp Chợ Trên, xã Phước Hưng, huyện Trà Cú

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh chuyển biến tích cực, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh có nhiều cố gắng, chỉ số PCI năm 2020 của tỉnh xếp hạng 48/63 tỉnh, thành phố của cả nước và đứng vị trí thứ 10/13 tỉnh, thành trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, với tổng số điểm đạt được 62,44 điểm (giảm 0,76 điểm), tăng 10 bậc trên bảng xếp hạng PCI so với năm 2019 và được đánh giá thuộc nhóm điều hành “trung bình”. Trong 10 chỉ số thành phần có 06 chỉ số tăng điểm và tăng bậc⁽³¹⁾; 02 chỉ số giảm điểm, tăng bậc⁽³²⁾; 01 chỉ số tăng điểm, giảm bậc⁽³³⁾; 01 chỉ số giảm điểm, giảm bậc⁽³⁴⁾.

Thành lập Tổ hỗ trợ nhà đầu tư và ban hành Kế hoạch hành động của Tổ để hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai dự án đúng tiến độ⁽³⁵⁾. Tiếp và làm việc với 36 lượt nhà đầu tư trong và ngoài nước đến tìm hiểu đầu tư thuộc lĩnh vực tiềm năng của tỉnh như logistics, cảng nước sâu, điện khí, điện mặt trời, điện gió, du lịch, nông nghiệp, thủy sản... Đến 15/6/2021, đã thu hút được 14 dự án trong nước với vốn đăng ký 10.318,67 tỷ đồng⁽³⁶⁾, trong đó có 03 dự án lớn là Nhà máy điện gió Đông Thành 1, Đông Thành 2 với tổng vốn đăng ký hơn 9.452 tỷ đồng, Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Cổ Chiên với tổng vốn đăng ký 748,98 tỷ đồng; so với cùng kỳ, số dự án ít hơn 03 dự án nhưng vốn đăng ký cao hơn 9.959,68 tỷ đồng; điều chỉnh chủ trương đầu tư 11 dự án; chấm dứt hoạt động 05 dự án⁽³⁷⁾.

³¹ Gồm: Gia nhập thị trường, Tiếp cận đất đai, Chi phí thời gian, Cạnh tranh bình đẳng, Tính năng động, Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.

³² Tính minh bạch, Đào tạo lao động.

³³ Chi phí không chính thức.

³⁴ Hỗ trợ doanh nghiệp.

³⁵ Tổ hỗ trợ Nhà đầu tư đã tổ chức họp 04 lần; tổ chức khảo sát địa điểm thực hiện dự án, giải quyết khó khăn về công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án lĩnh vực năng lượng điện gió, kiểm tra 02 dự án chậm triển khai và đã chấm dứt hoạt động 01 dự án, xem xét tiếp tục cho chấm dứt hoạt động 01 dự án theo quy định Luật Đầu tư năm 2020.

³⁶ Đến nay toàn tỉnh có 381 dự án đang đầu tư, kinh doanh, trong đó có 41 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 3,1 tỷ USD và 340 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 121.886 tỷ đồng; trong đó 381 dự án: (i) có 290 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ (gồm 34 dự án đầu tư nước ngoài với vốn đăng ký 294,17 triệu USD và 256 dự án đầu tư trong nước với vốn đăng ký 88.707,91 tỷ đồng); (ii) 44 dự án đang triển khai, trong đó 07 dự án đầu tư nước ngoài với vốn đăng ký 2.811,89 triệu USD và 37 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 16.777,70 tỷ đồng; (iii) 40 dự án đang thực hiện thủ tục pháp lý với tổng vốn đăng ký 15.819,98 tỷ đồng và (iv) 07 dự án đang thực hiện thủ tục chấm dứt dự án với tổng vốn đăng ký 580,45 tỷ đồng;

Dự án Khu TM & DV Cầu Ngang của Cty CP xuất nhập khẩu Trà Vinh, vốn đầu tư 46 tỷ đồng; Dự án kinh doanh VLXD và vận chuyển bốc dỡ hàng hóa của Công ty TNHH MTV TMDV Tường Vy, vốn đầu tư 25,49 tỷ đồng; Dự án Bệnh viện đa khoa An Phúc Trà Vinh của Cty TNHH An Phúc Trà Vinh, vốn đầu tư 70 tỷ đồng; Cửa hàng xăng dầu Minh Đức 1 của Cty TNHH MTV SX TM DV Lâm Uyên, vốn đầu tư 4 tỷ đồng; Xây dựng Trụ sở HTX nông nghiệp Nhị Trường, vốn đầu tư 1,65 tỷ đồng; Dự án Khu TM & DV Cầu Ngang của Cty CP xuất nhập khẩu Trà Vinh, vốn đầu tư 46 tỷ đồng; Dự án kinh doanh VLXD và vận chuyển bốc dỡ hàng hóa của Công ty TNHH MTV TMDV Tường Vy, vốn đầu tư 25,49 tỷ đồng; Dự án Bệnh viện đa khoa An Phúc Trà Vinh của Cty TNHH An Phúc Trà Vinh, vốn đầu tư 70 tỷ đồng; Cửa hàng xăng dầu Minh Đức 1 của Cty TNHH MTV SX TM DV Lâm Uyên, vốn đầu tư 4 tỷ đồng; Xây dựng Trụ sở HTX nông nghiệp Nhị Trường, vốn đầu tư 1,65 tỷ đồng;

³⁷ Dự án Khu thương mại và Dịch vụ Cầu Ngang của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Trà Vinh; Dự án kinh doanh VLXD và vận chuyển bốc dỡ hàng hóa của Công ty TNHH MTV TMDV Tường Vy; Dự án Bệnh viện đa khoa An Phúc Trà Vinh của Công ty TNHH An Phúc Trà Vinh.

Đến ngày 14 tháng 6 năm 2021, phát triển mới 208 doanh nghiệp⁽³⁸⁾ (đạt 41,6% kế hoạch), tổng vốn đăng ký 4.424 tỷ đồng, vốn bình quân 21,27 tỷ đồng/doanh nghiệp, so với cùng kỳ số doanh nghiệp phát triển mới tăng 35 doanh nghiệp và vốn đăng ký gấp 2,51 lần; giải thể 49 doanh nghiệp (cao hơn cùng kỳ 11 doanh nghiệp), tạm ngừng 53 doanh nghiệp (cao hơn cùng kỳ 05 doanh nghiệp). Ban hành chương trình hỗ trợ khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Trà Vinh năm 2021.

Ban hành Chương trình hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; kiện toàn Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; xây dựng hướng dẫn liên ngành về tiêu chí đánh giá, phân loại hợp tác xã. Triển khai thực hiện Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ⁽³⁹⁾. Công tác tuyên truyền Luật Hợp tác xã năm 2012, các chính sách, mô hình hay về kinh tế tập thể được quan tâm⁽⁴⁰⁾; đến ngày 10 tháng 6 năm 2021 thành lập mới 10 HTX và 01 Liên hiệp HTX, đạt 55% kế hoạch.

3.5. Đầu tư, xây dựng cơ bản, công tác quy hoạch

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước 11.432 tỷ đồng, đạt 40,8% kế hoạch, tăng 7,7% so với cùng kỳ (tăng 819 tỷ đồng); trong đó: vốn nhà nước giảm 11,7% (giảm 308 tỷ đồng, chủ yếu giảm vốn Trung ương quản lý do Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng đã hoàn thành và đưa vào vận hành thương mại); vốn ngoài nhà nước tăng 18,4% (tăng 579 tỷ đồng, chủ yếu tăng vốn đầu tư trong dân cư); vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 11,4% (tăng 549 tỷ đồng, chủ yếu do dự án Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2 đang đẩy mạnh thi công, một số dự án điện gió cũng đang triển khai thực hiện).

Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2021 là 4.043,336 tỷ đồng, giải ngân đến ngày 11 tháng 6 năm 2021 là 839,298 tỷ đồng, đạt 20,8% kế hoạch (*cùng kỳ đạt 17,5% kế hoạch*); trong đó: (i) Kế hoạch vốn chính thức đầu năm giải ngân 654,208/2.959,198 tỷ đồng, đạt 22,1% so kế hoạch; (ii) Kế hoạch vốn giao bổ sung giải ngân được 6,834/288,042 tỷ đồng, đạt 2,4% kế hoạch; (iii) Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021 giải ngân 178,257/796,096 tỷ đồng, đạt 22,4% kế hoạch.

Theo dõi, đôn đốc và hỗ trợ đơn vị tư vấn⁽⁴¹⁾ khảo sát, thu thập dữ liệu, số liệu, hoàn thành dự thảo báo cáo đánh giá thực trạng các hợp phần quy hoạch, hiện trạng phát triển của tỉnh để thực hiện các bước tiếp theo của Quy

³⁸ Đến nay có 3.201 doanh nghiệp.

³⁹ Đang hoàn thiện dự thảo Kế hoạch thực hiện Đề án; dự kiến chọn 05 HTX tham gia mô hình gồm: HTX NN Long Hiệp (huyện Trà Cú); HTX NN Phú Cần, Rạch Lọp (huyện Tiểu Cần); HTX NN Phú Mỹ Châu và HTX Vận tải Phước Vinh (huyện Châu Thành).

⁴⁰ Tổ chức 13 cuộc tuyên truyền với hơn 689 lượt người dự.

⁴¹ Liên danh Trường Đại học kinh tế quốc dân – Viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp – Viện Quy hoạch thủy lợi Miền Nam – Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng thương mại và dịch vụ Đại Nam.

hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quan tâm chỉnh trang, nâng cấp, phát triển đô thị, đến nay tỷ lệ đô thị hóa đạt 29,52%; tiếp tục thực hiện các quy hoạch xây dựng vùng huyện: Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú và Duyên Hải, quy hoạch xã nông thôn mới 01 xã còn lại (xã Ngãi Xuyen, huyện Trà Cú)⁽⁴²⁾.

4. Giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ

4.1. Giáo dục và đào tạo

Chỉ đạo các trường học triển khai thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19, phun hóa chất diệt khuẩn, vệ sinh trường lớp, thiết bị, đồ dùng dạy học, đảm bảo dạy và học an toàn. Điều chỉnh khung kế hoạch thời gian năm học 2020 - 2021, hoàn thành kiểm tra học kỳ II năm học 2020 - 2021, chuẩn bị tốt công tác tổ chức kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2021 - 2022 và kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021; tổ chức các kỳ thi, hội thi cấp tỉnh như: thi chọn học sinh giỏi lớp 11 cấp tỉnh⁽⁴³⁾; Hội thi giáo viên dạy giỏi tiểu học cấp tỉnh, Hội khỏe Phù Đổng tỉnh Trà Vinh lần XIII năm 2021⁽⁴⁴⁾... Lựa chọn sách giáo khoa lớp 2 và lớp 6 năm học 2021 - 2022 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hướng dẫn các trường học thực hiện việc tổng kết năm học và đánh giá xếp loại, bình xét thi đua khen thưởng viên chức cuối năm học 2020 - 2021. Công nhận 13 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số toàn tỉnh có 140/408 (tỷ lệ 34,56%) trường đạt chuẩn quốc gia⁽⁴⁵⁾; tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đi học đạt chỉ tiêu kế hoạch⁽⁴⁶⁾.

4.2. Khoa học và công nghệ

Tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện 16 nhiệm vụ khoa học cấp tỉnh năm 2021⁽⁴⁷⁾; nghiệm thu 04 nhiệm vụ khoa học và kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí 08 đề tài, dự án⁽⁴⁸⁾. Xây dựng kế hoạch tổ chức 02 lớp tập huấn⁽⁴⁹⁾ và chuẩn bị thủ tục tổ chức cuộc thi khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo năm 2021. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện “*Chương trình nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa chủ lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025*”.

5. Bảo trợ xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác

⁴² Đến nay có 03/07 quy hoạch vùng huyện, 84/85 quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới được phê duyệt.

⁴³ Tại 06 điểm thi: trường THPT Nguyễn Đăng, THPT Tiểu Cần, THPT Dương Quang Đông, THPT Duyên Hải, THPT Trà Cú, THPT Phạm Thái Bường, với 1.335 thí sinh dự thi.

Trong đó: Ngữ Văn: 180 thí sinh; Sử: 171 thí sinh; Địa: 163 thí sinh; Tiếng Anh: 174 thí sinh; Toán: 133 thí sinh; Vật lý: 135 thí sinh; Hóa: 117 thí sinh; Sinh: 158 thí sinh; Tin học: 104 thí sinh.

⁴⁴ Có trên 1.500 học sinh tham gia và có 489 tập thể và cá nhân đạt giải

⁴⁵ Chia ra: 13/92 trường mẫu giáo (14,13%), 06/19 trường mầm non (31,57%), 82/160 trường tiểu học (51,25%), 26/99 trường THCS (26,26%) và 13/35 trường THPT (37,14%).

⁴⁶ Tiểu học đạt 99,9%, Trung học cơ sở đạt 98,61%

⁴⁷ Đạt 77,77% kế hoạch năm.

⁴⁸ Tính đến tháng 5/2021, đã kiểm tra tổng số 08 đề tài, dự án.

⁴⁹ Gồm: “Chính sách và giải pháp bảo hộ tài sản trí tuệ cho các dự án/ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” và “Hỗ trợ xây dựng kế hoạch kinh doanh và hoàn thiện công nghệ cho các dự án/ý tưởng khởi nghiệp”.

5.1. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm

Tổ chức 01 phiên giao dịch, 06 cuộc hội thảo việc làm; phối hợp với các tỉnh Bến Tre, Bình Dương và thành phố Cần Thơ tổ chức phiên giao dịch việc làm trực tuyến⁽⁵⁰⁾; tư vấn cho 55.500 lượt lao động⁽⁵¹⁾; tạo việc làm mới cho 15.384 lao động (đạt 66,9% kế hoạch); đưa 292 lao động đi làm việc ở nước ngoài (đạt 32,4% kế hoạch). Trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho 9.200 hồ sơ, với số tiền chi trả 150 tỷ đồng; đào tạo 05 lớp tiếng Nhật cho 65 học viên có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài. Thăm, chúc tết 30 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; kiểm tra 20 doanh nghiệp có sử dụng thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động nhân Tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động năm 2021. Rà soát nhu cầu hỗ trợ đào tạo cho lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh theo chính sách hỗ trợ đào tạo tại Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển sinh đào tạo nghề cho 5.066 người, đạt 25,3%⁽⁵²⁾.

5.2. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công

Các chính sách đối với người có công được thực hiện đầy đủ, kịp thời; tặng quà cho 25.233 người có công và thân nhân của người có công nhân dịp Tết Nguyên Đán Tân Sửu với tổng kinh phí 12,7 tỷ đồng⁽⁵³⁾; hỗ trợ đột xuất 05 trường hợp với số tiền 10 triệu đồng. Quyết định điều dưỡng tại gia đình cho 2.347 người có công; đưa 110 người có công với cách mạng đi điều dưỡng tại Kiên Giang; xây dựng, trao tặng 428 căn nhà tình nghĩa⁽⁵⁴⁾.

5.3. Bảo trợ xã hội và giảm nghèo

Công tác bảo trợ xã hội được quan tâm chăm lo; tặng quà tết cho 12.779 lượt đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em và đối tượng có hoàn cảnh khó khăn với số tiền 4,9 tỷ đồng; thăm và tặng quà của Chủ tịch nước và Chủ tịch UBND tỉnh cho 45 cụ 100 tuổi và 784 cụ 90 tuổi; giải quyết trợ giúp xã hội hàng tháng tại cộng đồng cho 38.083 lượt đối tượng bảo trợ xã hội và hỗ trợ mai táng phí cho 762 đối tượng với số tiền 82 tỷ đồng; cấp thẻ BHYT cho 26.303 đối tượng bảo trợ xã hội, hỗ trợ tiền điện cho 5.127 hộ nghèo, hộ chính sách xã hội. Vận động các nhà hảo tâm, các tổ chức từ thiện trong và ngoài tỉnh hỗ trợ người khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam/dioxin, người mù, trẻ mồ côi, bệnh nhân nghèo, số tiền hơn 7,6 tỷ đồng⁽⁵⁵⁾.

⁵⁰ Có 12 đơn vị, doanh nghiệp tham gia và tư vấn cho 120 lao động.

⁵¹ Trong đó có 46.500 lượt lao động thuộc diện hưởng trợ cấp thất nghiệp

⁵² Trong đó, đào tạo nghề cho lao động nông thôn 639 lao động (tổng số lao động đăng ký nhu cầu học nghề là 3.441 người); tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho 3.856 người, còn lại là đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp nghề.

⁵³ Trong đó: kinh phí Trung ương 6,8 tỷ đồng, kinh phí địa phương 5,9 tỷ đồng.

⁵⁴ Kinh phí xây dựng do các Ngân hàng và Tập đoàn Vinaphone và Mobiphone tài trợ.

⁵⁵ Trong đó hỗ trợ Hội Bảo trợ Người khuyết tật và Nạn nhân chất độc dacam/dioxin các cấp 7,4 tỷ đồng.

Tổ chức chăm lo cho 21.854 hộ nghèo, hộ cận nghèo dịp tết Tân Sửu năm 2021, kinh phí hơn 17,2 tỷ đồng⁽⁵⁶⁾; hỗ trợ 451.519 thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo và hộ cận nghèo, kinh phí 363,2 tỷ đồng; hỗ trợ 6.135 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vay vốn, số tiền 180,5 tỷ đồng. Phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020⁽⁵⁷⁾.

5.4. Công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em

Tổ chức thăm và tặng quà các cơ sở thờ tự, chức sắc các tôn giáo, người có uy tín nhân dịp tết Nguyên đán, Chôl - Chnam - Thmây 2021; tiếp và làm việc với Phó Chủ tịch nước Võ Thị Ánh Xuân cùng đoàn công tác đã đến thăm, chúc mừng Lễ Phật đản tại tỉnh. Các chương trình, chính sách trong vùng đồng bào dân tộc được thực hiện hoàn thành theo kế hoạch⁽⁵⁸⁾. Thực hiện tốt chính sách đối với chức sắc, chức việc và các tổ chức tôn giáo; hỗ trợ kinh phí hoạt động đạo sự, xây dựng Chánh điện và Trai đường cho các tổ chức tôn giáo, số tiền 520 triệu đồng. Triển khai thực hiện Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021 - 2025; thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021- 2025. Triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2030. Đánh giá kết quả công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức 36 lớp tập huấn tuyên truyền phổ biến, giáo dục Luật Trẻ em tại các trường trung học cơ sở.

5.5. Công tác phòng, chống dịch Covid-19, hỗ trợ an sinh xã hội

Thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng, chống dịch Covid-19; tiếp và làm việc với Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đến làm việc với tỉnh và thăm điểm cách ly tập trung phòng chống Covid-19 tại Trung đoàn 926 thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh. Triển khai tiêm vắc xin phòng Covid-19 (02 đợt, mũi 1) từ ngày 27/4 đến ngày 14/5/2021 trên địa bàn tỉnh, có 9.220/10.541 đối tượng, đạt 87,5%. Trong 6 tháng, thực hiện kiểm dịch y tế quốc tế được 69 tàu nhập cảnh gồm 1.141 thuyền viên, 29 tàu xuất cảnh gồm 617 thuyền viên

⁽⁵⁶⁾ Nguồn kinh phí đảm bảo xã hội và Quỹ an sinh xã hội của tỉnh hỗ trợ cho 16.650 hộ cận nghèo với kinh phí 4,9 tỷ đồng. Ngoài ra, các huyện xuất ngân sách và vận động xã hội hóa hỗ trợ thêm cho 20.746 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo với kinh phí trên 14,2 tỷ đồng và 13.535 kg gạo. Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân và lãnh đạo Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tặng 400 phần quà tết cho hộ nghèo và nạn nhân chất độc da cam với kinh phí 471 triệu đồng; Quỹ Thiện Tâm thuộc Tập đoàn VINGROUP tặng quà tết cho 1.000 hộ nghèo với kinh phí 600 triệu đồng; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh Trà Vinh tặng quà cho 270 hộ nghèo với kinh phí 135 triệu đồng.

⁽⁵⁷⁾ Kết quả rà soát cuối năm 2020, số hộ nghèo còn lại 5.204 hộ, chiếm tỷ lệ 1,80%; giảm 1,42% so với tỷ lệ hộ nghèo năm 2019. Hộ nghèo dân tộc Khmer còn 2.863 hộ, chiếm tỷ lệ 3,21% so với số hộ dân tộc khmer, giảm 2,84%. Hộ cận nghèo còn 16.650 hộ, chiếm tỷ lệ 5,76%.

⁽⁵⁸⁾ Thăm, viếng 453 người có uy tín và người thân (Trong đó: tặng quà 432 người có uy tín nhân dịp tết Nguyên Đán, tết cổ truyền Chôl Chnam Thmây năm 2021); cấp phát 45.427 ấn phẩm báo, tạp chí cho người thụ hưởng theo Quyết định số 45/QĐ-TTg; thi công 09 công trình vốn viện trợ của Chính phủ AiLen; xây dựng công trình cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer tại huyện Tiểu Cần. Điều tra, rà soát theo Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg, toàn tỉnh có 59 xã thuộc vùng dân tộc thiểu số (15 xã khu vực III, 44 xã khu vực I và 10 ấp đặc biệt khó khăn thuộc 08 xã khu vực I).

và 10 tàu quá cảnh gồm 171 thuyền viên. Tính đến ngày 10/6/2021, tổng số trường hợp đã thực hiện cách ly trên toàn tỉnh 4.261 trường hợp⁽⁵⁹⁾.

Về điều trị người bị nhiễm SARS-CoV-2: đã điều trị cho 08 bệnh nhân nhiễm SARS-CoV-2⁽⁶⁰⁾, các trường hợp đều do nhập cảnh từ nước ngoài về Việt Nam, được cách ly và điều trị tại Bệnh viện Dã chiến số 01⁽⁶¹⁾. Trong đợt dịch thứ 4 trong nước, trên địa bàn tỉnh xảy ra 03 trường hợp dương tính với Covid-19⁽⁶²⁾, tỉnh đã nhanh chóng khoanh vùng, truy vết không để lây lan, áp dụng biện pháp hạn chế tụ tập đông người từ ngày 01/6/2021, lập 04 chốt kiểm soát, ngăn chặn dịch bệnh không lây lan vào địa bàn tỉnh.

5.6. Chăm sóc sức khỏe nhân dân

Xây dựng các kế hoạch: tổ chức các hoạt động kỷ niệm 60 năm ngày Dân số Việt Nam, Chương trình củng cố phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030; triển khai thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2021 - 2025.

Trong 6 tháng đầu năm, ước khám bệnh cho 887.470 lượt bệnh nhân⁽⁶³⁾; phát hiện và xử lý 45 ổ dịch sốt xuất huyết⁽⁶⁴⁾. Bệnh tay chân miệng 377 ca, bệnh sốt xuất huyết 293 ca, sốt phát ban nghi sởi 05 ca⁽⁶⁵⁾. Số trẻ dưới 5 tuổi thoát khỏi suy dinh dưỡng 858 trẻ⁽⁶⁶⁾. Số người nhiễm HIV mới được phát hiện 102 người; đến nay phát hiện 2.491 người nhiễm HIV, 1.672 người chuyển sang bệnh AIDS, 1.052 người tử vong vì HIV/AIDS. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số đạt 96,54%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội đạt 14,43% lực lượng lao động trong độ tuổi (trong đó bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 2,87% lực lượng lao động xã hội). Triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2021; báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW ngày 21/10/2011 của Ban Bí thư (khóa XI) về “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới*”.

5.7. Văn hóa, thể thao

⁵⁹ Trong đó: cách ly tại cơ sở y tế 31 trường hợp, cách ly tập trung 2.463 trường hợp và cách ly tại nhà, nơi cư trú 669 trường hợp; hoàn thành: cách ly tại cơ sở y tế 31 trường hợp, cách ly tập trung 2.458 trường hợp và cách ly y tế tại nhà, nơi cư trú 634 trường hợp. Hiện tại, toàn tỉnh còn cách ly tập trung 05 trường hợp và cách ly tại nhà, nơi cư trú 35 trường hợp.

⁶⁰ Trong đó: tỉnh An Giang (03 người), TP.HCM (02 người), tỉnh Nghệ An (01 người), huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh (01 người) và tỉnh Hải Phòng (01 người).

⁶¹ Bệnh viện Lao và bệnh Phổi tỉnh Trà Vinh.

⁶² Bệnh nhân 7302 và bệnh nhân 7527, phát hiện tại huyện Cầu Kè, đang thực hiện cách ly và điều trị tại bệnh viện Dã chiến số 01.

⁶³ đạt 47,8% so với kế hoạch.

⁶⁴ giảm 8,2% so với cùng kỳ năm 2020.

⁶⁵ tay chân miệng tăng 377%, sốt xuất huyết tăng 2,4%, sốt phát ban nghi sởi giảm 74% so cùng kỳ.

⁶⁶ đạt 43% kế hoạch.

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ công tác tuyên truyền bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, mừng Đảng - mừng Xuân Tân Sửu năm 2021. Tổ chức triển lãm đường sách nhân Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam tỉnh Trà Vinh năm 2021⁽⁶⁷⁾. Kiểm tra tiêu chí số 06 và 16 về văn hóa của 03 xã nông thôn mới và 10 xã nông thôn mới nâng cao; công nhận mới 07 xã Văn hóa nông thôn mới; công nhận lại 111 ấp, khóm văn hóa; 01 cơ quan, đơn vị đạt chuẩn “*Văn hóa*”⁽⁶⁸⁾; xếp hạng 02 di tích cấp tỉnh⁽⁶⁹⁾.

Thi đấu thể dục, thể thao đạt được nhiều kết quả khả quan⁽⁷⁰⁾. Ra mắt tour du lịch mới “*Tuyến sông Long Bình*” thành phố Trà Vinh, tuyến du lịch sinh thái “*Sông Ba Tròng*”. Trong 6 tháng đầu năm, lượt du khách tham quan tăng 35,9% so với cùng kỳ; doanh thu tăng 16,5%; lượt khách lưu trú giảm 24,4%; công suất phòng bình quân giảm 4%. Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch, đến nay đã hỗ trợ 10 đơn vị, với số tiền hơn 1,4 tỷ đồng.

6. Tài nguyên, môi trường

Tổ chức Hội nghị triển khai Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng đất công trên địa bàn tỉnh; ban hành Quy chế phối hợp đăng ký danh mục các dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh; tổng kết đánh giá thi hành Luật Đất đai năm 2013 trên địa bàn tỉnh. Lập, phê duyệt và công bố kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện; tổ chức lấy ý kiến đối với Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của 07/09 đơn vị cấp huyện, sửa đổi quy định điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa⁽⁷¹⁾. Cấp mới 101 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (diện tích 12,83 ha), nâng tổng số đã cấp 625.640 giấy, đạt 99,34% diện tích cần cấp giấy.

⁶⁷ Có 12 đơn vị đến từ 09 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh và NXB chính trị quốc gia sự thật tham gia triển lãm. Kết quả chấm điểm các gian hàng: huyện Cầu Ngang giải Nhất, huyện Tiểu Cần giải Nhì và huyện Duyên Hải giải Ba. Qua 03 ngày triển lãm sách có trên 5.000 lượt bạn đọc tham quan tìm hiểu. Tổ chức đại hội TDTT cơ sở: có 56/106 xã, phường, thị trấn đã tổ chức xong; có 03 đơn vị gồm huyện Cầu Kè, Tiểu Cần, Trà Cú đã tổ chức xong Đại hội TDTT tuyến cơ sở.

⁶⁸ Đến nay, toàn tỉnh có 256.114/277.260 hộ “*Gia đình văn hóa*”; 711/756 “*ấp-khóm văn hóa*”; 71 xã “*Văn hóa nông thôn mới*”; 15 phường, thị trấn “*Văn minh đô thị*”; 963/1.036 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; 08 Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao (nhà văn hóa) cấp huyện; 103 nhà văn hóa xã, phường, thị trấn; 741 nhà văn hóa ấp, khóm.

⁶⁹ Di tích chùa Bà Giam, xã Đôn Xuân và chùa PLa Pang, xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải. Nâng đến nay có 15 di tích cấp quốc gia, 32 di tích cấp tỉnh.

⁷⁰ Tổ chức 6 giải thể thao mừng Đảng - mừng Xuân Tân Sửu năm 2021, gồm: Quần vợt; Billiards; Bóng chuyền hơi nữ; Thể dục Aerobic và khiêu vũ thể thao; Thể dục thể hình; Bi sắt; các giải thể thao chào mừng 75 năm ngày Thể thao Việt Nam (27/3/1946 - 27/3/2021): Billiards, Bi sắt, Quần vợt, Bóng đá. Các Đội tuyển tham gia các giải vô địch toàn quốc và khu vực đạt 24 huy chương các loại. các huyện, thị xã, thành phố tổ chức 30 kỳ thi thăng cấp đai môn Vovinam, Karate, Taekwondo và Võ Cổ truyền.

⁷¹ Thay thế Quyết định 26/2019/QĐ-UBND ngày ngày 14/11/2019 và Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh.

Giám sát quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải; kiểm tra đột xuất công tác bảo vệ môi trường 03 doanh nghiệp. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Khí tượng Thế giới năm 2021; tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; sơ kết thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ; xây dựng kế hoạch tổng kết 05 năm và kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01/KH-UBND, Kế hoạch số 52/KH-UBND của UBND tỉnh.

7. Thông tin, truyền thông

Chỉ đạo định hướng các cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông trong tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền Đại hội Đảng XIII; công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2016; công tác phòng, chống dịch bệnh Covid - 19 và các sự kiện chính trị nổi bật của đất nước, của tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương... Cấp 88 giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; cấp mới 109 chứng thư số, 257 hộp thư điện tử công vụ. Rà soát, công khai 1.415 thủ tục hành chính của tỉnh lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Triển khai, tích hợp Nền tảng thanh toán trực tuyến vào Cổng dịch vụ công của tỉnh để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến; thử nghiệm Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh kết nối với trực liên thông quốc gia; hoàn thành kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ xử lý thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hoàn thành kết nối thanh toán nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

8. Cải cách hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

Triển khai thực hiện Chương trình số 12-CTr/TU ngày 26/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các Chỉ số PAR Index, PAPI, SIPAS giai đoạn 2021-2025; Chỉ số PAPI năm 2020 đứng thứ hạng 41/63, giảm 05 bậc so với năm 2019; đánh giá, xếp hạng công tác thực hiện cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện năm 2020. Đánh giá, tổng kết mô hình "*Chính quyền, công sở thân thiện và trách nhiệm*" trên địa bàn tỉnh năm 2020. Sơ kết thực hiện Đề án số 05-ĐA/TU, Kế hoạch số 71-KH/TU, Kế hoạch số 72-KH/TU của Tỉnh ủy về sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn của hệ thống chính trị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII). Tổ chức Tổng điều tra kinh tế - xã hội và điều tra cơ sở hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh.

Công tác thanh tra được thực hiện theo đúng tiến độ; việc đôn đốc, xử lý sau thanh tra được thực hiện nghiêm túc và mang lại hiệu quả. Thanh tra hành chính 13 cuộc tại 24 đơn vị⁽⁷²⁾; thanh tra, kiểm tra chuyên ngành 280 cuộc với 1.131 cá nhân, tổ chức⁽⁷³⁾. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: tiếp 1.755 lượt người đến khiếu nại, tố cáo, nhận 834 đơn (thuộc thẩm quyền 685 đơn); giải quyết đơn thuộc thẩm quyền đạt 89,6%⁽⁷⁴⁾.

9. Công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026

Công tác bầu cử trên địa bàn tỉnh được tập trung chỉ đạo⁽⁷⁵⁾; công tác thông tin, tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, liên tục. Số người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV đơn vị tỉnh Trà Vinh (có 02 đơn vị bầu cử) là 10 người, số đại biểu được bầu là 06 đại biểu; số người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 (có 14 đơn vị bầu cử) số người ứng cử là 83 người, số đại biểu được bầu là 50 đại biểu; số người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện là 482 người, số đại biểu được bầu là 288 đại biểu; số người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã là 4.573 người, số đại biểu được bầu là 2.734 đại biểu.

Tổ chức hội nghị gặp gỡ, tiếp xúc giữa cử tri với những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo quy định⁽⁷⁶⁾. Chuẩn bị tốt các điều kiện vật chất, kỹ thuật phục vụ cuộc bầu cử đạt kết quả khá cao: toàn tỉnh có 798.001/798.252 cử tri tham gia bầu cử, đạt tỷ lệ 99,97%; số lượng người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV có 6/6 đại biểu được ấn định (trong đó có 01 người trúng cử là do Trung ương giới thiệu); số người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có 49/50 đại biểu được ấn định; số người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện 287/288 đại biểu; số người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có 2.720/2.734 đại biểu.

10. Về quốc phòng, an ninh

Duy trì tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm tình hình, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trước, trong và sau tết Nguyên đán năm 2021, các ngày lễ lớn; bảo vệ an toàn tuyệt đối công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Tổ

⁷² Phát hiện 07 đơn vị sai phạm; thu hồi 751,859 triệu đồng, kỷ luật đối với 05 cá nhân.

⁷³ Phát hiện và xử lý 210 trường hợp vi phạm; xử phạt vi phạm hành chính 1.126 triệu đồng.

⁷⁴ Trong đó: giải quyết đơn khiếu nại đạt 69,6%, đơn tố cáo đạt 33,3%, đơn phản ánh kiến nghị đạt 96,2%, đơn yêu cầu đạt 87,9%; đơn tranh chấp đạt 89%.

⁷⁵ Thành lập Ủy ban bầu cử tỉnh, 02 Ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và 14 Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021-2026, 91 Ban bầu cử cấp huyện và 815 Ban bầu cử cấp xã.

⁷⁶ Từ ngày 04/5/2021 đến ngày 13/5/2021, cấp tỉnh đã tổ chức 58/94 cuộc tiếp xúc, gặp gỡ cử tri của người ứng cử, với tổng số cử tri tham dự là 9.864 lượt cử tri; có hơn 278 ý kiến, kiến nghị của cử tri liên quan đến nhiều lĩnh vực; cấp huyện đã tổ chức 242 cuộc và cấp xã 327 cuộc.

chức giao, nhận 951 quân⁽⁷⁷⁾ lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc năm 2021. Tiếp tục làm căn cứ công dân cho người dân, đến nay đạt 83 % chỉ tiêu của Bộ giao.

Tổ chức các đợt tấn công trấn áp tội phạm; phát hiện 142 vụ phạm tội về trật tự xã hội (*nhiều hơn cùng kỳ 16 vụ*), điều tra làm rõ 132 vụ (đạt 93%), xử lý 285 đối tượng; triệt xóa 447 vụ tệ nạn xã hội với 2.439 đối tượng (*nhiều hơn 142 vụ*), khởi tố 11 vụ, 14 bị can phạm tội về kinh tế (*nhiều hơn 06 vụ*); bắt giữ 63 vụ phạm tội về ma túy (*nhiều hơn cùng kỳ 16 vụ*), xử lý 115 đối tượng, thu giữ 347,6 gam ma túy tổng hợp và 2,12 gam heroin. Xảy ra 24 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm 24 người chết, 08 người bị thương (giảm 08 vụ, giảm 03 người chết, giảm 09 người bị thương). Xảy ra 01 vụ cháy, thiệt hại tài sản khoảng 1,5 tỷ đồng (giảm 05 vụ so với cùng kỳ).

Tóm lại, trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm các cấp, các ngành và địa phương đã tập trung thực hiện quyết liệt vừa nhiệm vụ ứng phó hạn mặn, vừa kiểm soát, phòng, chống dịch Covid-19, vừa phát triển kinh tế - xã hội và đạt nhiều kết quả quan trọng: kinh tế tiếp tục phục hồi và phát triển, thu ngân sách đạt khá; sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thương mại – dịch vụ tăng khá; chỉ số PCI tăng 10 bậc, môi trường đầu tư kinh doanh từng bước có cải thiện, thực hiện tốt công tác hỗ trợ doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất tham gia kết nối, quảng bá, phân phối sản phẩm, thu hút được một số dự án đầu tư quy mô lớn, phù hợp với tiềm năng của tỉnh, phát triển doanh nghiệp cao hơn cùng kỳ; tổ chức các hoạt động thể hiện sự quan tâm đối với các gia đình chính sách, đồng bào dân tộc, hỗ trợ an sinh xã hội nhân dịp Lễ, Tết bằng những việc làm thiết thực; công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026 được thực hiện đúng quy định, an toàn; vệ sinh cảnh quan môi trường được quan tâm; xây dựng nông thôn mới đạt kết quả quan trọng; vệ sinh an toàn thực phẩm được đảm bảo; các bệnh truyền nhiễm trên người được khống chế, ngăn chặn kịp thời.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế:

- *Về kinh tế:* các hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng hóa và tổ chức các hoạt động sự kiện quảng bá xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; nhiều doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch, lưu trú, vận tải... gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19; công nghiệp sản xuất và phân phối điện sụt giảm so với cùng kỳ; tăng trưởng tín dụng còn chậm, chưa có giải pháp xử lý hiệu quả nợ xấu đối với các chủ tàu cá theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ; giải ngân vốn đầu tư công còn chậm; công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư trong Khu Kinh tế còn gặp nhiều khó khăn; số HTX

⁷⁷ Trong đó có một nữ công dân, 320 công dân là người dân tộc Khmer, 62 thanh niên có trình độ Đại học, Cao đẳng và Trung cấp, sức khỏe đạt loại 1 và 2 trên 50%, có 18 thanh niên là đảng viên. Huyện Càng Long là huyện được Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự tỉnh chọn tổ chức truyền hình trực tiếp lễ giao nhận quân và là đơn vị điểm để rút kinh nghiệm cho công tác tuyển quân của tỉnh năm 2022.

hoạt động yếu kém và ngưng hoạt động còn nhiều, việc củng cố, kiện toàn hợp tác xã các cấp, các ngành quan tâm chưa nhiều.

- *Về văn hóa - xã hội; tài nguyên, môi trường:* xuất khẩu lao động gặp nhiều khó khăn, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao phải hạn chế tổ chức để phòng, chống dịch Covid-19; việc khai thác tài nguyên trái phép, không phép vẫn còn xảy ra tại một số địa phương như Càng Long, Châu Thành, Trà Cú, Duyên Hải, thị xã Duyên Hải; tình hình khiếu nại, tố cáo vẫn còn diễn ra, trong đó có những vụ việc khá phức tạp.

- *Về quốc phòng, an ninh:* tội phạm về trật tự xã hội chậm được kéo giảm.

- Việc tham mưu xây dựng các Chương trình cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI còn chậm.

- *Về dân tộc, tôn giáo:* nhân lực phụ trách công tác dân tộc tại các địa phương sau Đại hội Đảng bộ địa phương chậm được sắp xếp, bố trí phù hợp; các địa phương thực hiện chưa tốt chế độ thông tin báo cáo về công tác dân tộc theo Thông tư số 01 của Ủy ban dân tộc.

Phần thứ hai

NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021

Căn cứ Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2021, trên cơ sở kết quả đạt được 6 tháng đầu năm, trong 6 tháng cuối năm 2021, UBND tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Tập trung hoàn thành cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI; đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2021, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; hoàn thiện các nội dung trình tại các kỳ họp của HĐND tỉnh. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị tư vấn triển khai lập Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo đúng tiến độ được duyệt.

2. Từng cấp, từng ngành quán triệt sâu sắc phương châm hành động của Tỉnh ủy “*Đoàn kết, Kỷ cương, Hành động, Sáng tạo, Đột phá, Phát triển*” trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; tập trung thực hiện mục tiêu kép, nỗ lực phấn đấu cao nhất nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2021.

Tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm các nội dung chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy về thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19, nhất là ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về phòng, chống dịch COVID-19; chỉ đạo tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày

31/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc khẩn trương thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

3. Tập trung thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển khoảng 1.550 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng màu, cây ăn trái và kết hợp với nuôi trồng thủy sản theo thời vụ thích hợp. Chủ động phòng chống, giám sát, kiểm soát dịch bệnh nguy hiểm trên đàn vật nuôi, nhất là dịch tả lợn Châu Phi, lở mồm long móng gia súc và cúm gia cầm; tổ chức lại chăn nuôi theo hướng quy mô trang trại, hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị, chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh. Duy trì và mở rộng diện tích nuôi thủy sản, tập trung các con nuôi chủ lực như tôm sú, tôm thẻ, cua biển, nghêu, sò (lưu ý tôm thẻ mật độ cao, phát triển khu nuôi tôm công nghiệp tập trung), các mô hình lúa - tôm, tôm - rừng. Tổ chức lại đội tàu đánh bắt và các hình thức sản xuất trên biển theo mô hình hợp tác, liên kết chuỗi giữa khai thác - cung ứng dịch vụ hậu cần và thu mua trên biển. Tập trung trồng rừng thay thế các công trình chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác⁽⁷⁸⁾; chủ động các biện pháp ứng phó với thiên tai.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể từ tỉnh đến cơ sở; tập trung rà soát, củng cố hoạt động của các HTX yếu kém; ban hành kế hoạch thực hiện Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

Tập trung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chú trọng xã xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, ấp nông thôn mới kiểu mẫu; đẩy nhanh tiến độ xây dựng quy hoạch vùng huyện đối với các huyện còn lại (Cầu Ngang, Châu Thành, Trà Cú); trình Trung ương thẩm định công nhận huyện Châu Thành đạt chuẩn huyện nông thôn mới; trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Ban hành: Đề án Phát triển mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và Đề án phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án rà soát hệ thống công trình thủy lợi phục vụ phân vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong điều kiện biến đổi khí hậu; Đề án điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

4. Tập trung khắc phục những hạn chế, yếu kém, nâng cao chỉ số PCI, phấn đấu chỉ số PCI năm 2021 tăng ít nhất 05 bậc so với năm 2020. Tổ chức Hội thảo đánh giá chỉ số DDCI năm 2020, định hướng năm 2021 và các năm tiếp theo. Thực hiện trang thông tin điện tử (website) bằng ngôn ngữ Việt - Nhật; xây dựng Quyển hướng dẫn “Trà Vinh điểm đến đầu tư” bằng ngôn ngữ Việt - Nhật. Các ngành, địa phương tăng cường phối hợp, đẩy nhanh tiến độ

⁷⁸ Dự án Xây dựng Nhà máy sản xuất gạch ngói không nung cao cấp Duyên Hải; xây dựng Khu du lịch tham quan nghỉ dưỡng Ba Động; xây dựng đường dẫn vào Trại nghiên cứu tạo ra tôm sú bố mẹ sạch bệnh phục vụ cho các trại sản xuất giống ở tỉnh Trà Vinh...

giải phóng mặt bằng, giao đất sạch cho các nhà đầu tư thực hiện dự án đúng tiến độ đã cam kết.

Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động và triển khai dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, đặc biệt quan tâm các dự án điện gió để đảm bảo đưa vào hoạt động đúng tiến độ. Chú trọng hỗ trợ doanh nghiệp, HTX xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, phát triển sản phẩm OCOP, tiếp cận thị trường, đưa hàng hóa vào các siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh như GO, Co.op mart, Vinmart, Bách Hóa Xanh, sàn giao dịch thương mại điện tử Tiki, Sendo, Shopee... Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch khuyến công và xúc tiến thương mại năm 2021, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đăng ký tổ chức hội chợ, phiên chợ trong và ngoài tỉnh đảm bảo an toàn về phòng, chống dịch Covid-19 theo khuyến cáo của Bộ Y tế và địa phương nơi diễn ra hội chợ, phiên chợ.

5. Tập trung rà soát, thực hiện gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021 cho các đối tượng theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ; triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý thu, tăng cường chống thất thu và thu hồi nợ đọng, khai thác và bồi dưỡng tốt các nguồn thu. Rà soát, cắt giảm, điều chuyển và đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021; hoàn thành kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021 - 2025; cắt giảm chi tiêu công chưa thật sự cần thiết như mua sắm, đào tạo, hội nghị; đánh giá thực hiện dự toán năm 2021, xây dựng dự toán ngân sách địa phương năm 2022, kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2022-2024.

6. Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021, tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2021 nghiêm túc và đảm bảo an toàn trước tình hình dịch bệnh Covid-19. Kiểm tra công nhận trường đạt chuẩn quốc gia; tập huấn trực tuyến hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 6. Tăng cường quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; xây dựng kế hoạch hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong nước cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2021; ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa chủ lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; triển khai cuộc thi khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo năm 2021.

7. Đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là các lao động bị mất việc làm do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, lao động có thời hạn ở nước ngoài. Quản lý chặt chẽ lao động là người nước ngoài làm việc tại tỉnh. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công; chính sách trợ giúp xã hội; tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai tổng điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; triển khai công tác điều tra, thống kê số hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu trên địa bàn tỉnh.

8. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, chính sách trong vùng đồng bào dân tộc; tổ chức thăm, tặng quà nhân dịp Lễ Sêne Đôlta năm 2021; triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền Núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt chính sách tôn giáo; vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ tôn giáo thực hiện tốt các quy định về phòng, chống dịch Covid-19, vận động đóng góp, ủng hộ nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và công tác an sinh xã hội tại địa phương.

9. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Bệnh viện Đa khoa tỉnh (700 giường) đưa vào hoạt động cuối năm. Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu tại các cơ sở y tế, đặc biệt là tại Trạm y tế xã, phường, thị trấn. Tăng cường truyền thông nâng cao sức khỏe, tiêm chủng phòng bệnh, kiểm soát các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng; giám sát, xử lý ổ dịch kịp thời, không để dịch bùng phát lây lan. Tăng cường kiểm tra, đảm bảo an toàn thực phẩm.

10. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng Quốc khánh 02/9, các lễ hội năm 2021 (Vu lan thắng hội, Lễ hội Ok Om Bok), kết hợp quảng bá và xúc tiến du lịch, hội chợ thương mại. Tiếp tục kiểm tra công nhận, tái công nhận danh hiệu “xã văn hóa nông thôn mới”, “phường, thị trấn văn minh đô thị”, ấp, khóm văn hóa; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa. Tiếp tục tổ chức đại hội thể dục thể thao cấp xã, cấp huyện tiến tới tổ chức đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh năm 2022; chuẩn bị các hoạt động kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh.

11. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Kế hoạch sử dụng đất 05 năm thời kỳ 2021-2025 cấp tỉnh và Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện. Tổ chức sơ kết, đánh giá quá trình triển khai, cụ thể hóa Chỉ thị số 46-CT/TU ngày 21/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác quản lý đất đai và Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01/KH-UBND, Kế hoạch số 52/KH-UBND của UBND tỉnh về tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng và vệ sinh môi trường tại các đô thị, khu dân cư, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai và bảo vệ môi trường; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

12. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử trên cơ sở Kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh phiên bản 1.0, phiên bản 2.0. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các Chỉ số PAR Index, PAPI, SIPAS. Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2030. Kiểm tra công tác cải cách hành chính theo kế hoạch. Sắp xếp cơ quan hành chính, tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách về tinh giản biên chế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phục vụ của cơ quan hành chính nhà

nước, nhất là Trung tâm Phục vụ hành chính công. Triển khai thực hiện lập thủ tục mở rộng địa giới hành chính thành phố Trà Vinh.

13. Thực hiện công tác thanh tra năm 2021 theo kế hoạch và kiểm tra, giám sát, đôn đốc, uốn nắn việc thực hiện các kết luận, kiến nghị xử lý sau thanh tra. Tăng cường công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tập trung vào những nơi có nhiều vụ việc kéo dài, vượt cấp, đông người, phức tạp.

14. Chỉ đạo tăng cường thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh; chủ động nắm chắc tình hình, tuần tra, kiểm soát đảm bảo an ninh chính trị, an toàn giao thông trên địa bàn, nhất là các ngày lễ hội. Chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ thành phố Trà Vinh và huyện Trà Cú. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 77 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2021) và 32 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22/12/1989 - 22/12/2021); Tết Quân - Dân năm 2022./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Vụ IV - VPCP;
- Bộ Tư lệnh QK9;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh (3 hệ);
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐV.P. UBND tỉnh
- Các phòng NC;
- Lưu VT, THNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT-CHỦ TỊCH *Uoai*
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thanh Bình

Phụ lục 1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020			Năm 2021			So sánh 6 tháng		So sánh cả năm (%)	
			Thực hiện 6 tháng	Thực hiện cả năm	Kế hoạch	ƯTH tháng 6	ƯTH 6 tháng	ƯTH Cả năm	Kế hoạch	Cùng kỳ	Kế hoạch	Cùng kỳ
1	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	8,031.052	16,739.313	10,177.910	997.697	9,207.996	14,271.968	90.47	114.65	140.22	85.26
	<i>Trong đó: Thu nội địa</i>	Tỷ đồng	1,988.973	5,013.120	5,000.000	677.180	2,979.310	5,150.000	59.59	149.79	103.00	102.73
2	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	3,835.220	14,238.703	10,820.798	1,861.501	4,457.087	12,604.482	41.19	116.21	116.48	88.52
3	Số dự án đầu tư đăng ký mới⁽¹⁾	Dự án	16	35		1	14	30		87.50		85.71
	- Số dự án trong nước	Dự án	16	32		1	14	30		87.50		93.75
	- Số vốn đăng ký trong nước	Tỷ đồng	357.99	5,233.00		35.74	10,318.67	14,552.67		2,882.39		278.09
	- Số dự án FDI	Dự án	0	3		0	0	0	0.00			
	- Vốn đăng ký FDI	triệu USD	0	2.50		0.00	0.00	0.00	0.00			
4	Phát triển doanh nghiệp⁽²⁾											
	- <i>Thành lập mới</i>											
	+ Số doanh nghiệp	DN	148	488	500	36	208	500	41.60	140.54	100.00	102.46
	+ Số chi nhánh, địa điểm kinh doanh		113	273		36	120			106.19		
	+ Vốn đăng ký	Tỷ đồng	1759	4,263.0		214.0	4,424.0			251.51		
	- <i>Đăng ký bổ sung</i>											
	+ Số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc	DN	654	1,644		41	402			61.47		
	+ Vốn bổ sung	Tỷ đồng	486	1,791		15	2,436			501.23		
	- <i>Giai thể</i>	DN	34	77		5	49			144.12		

(1) Đến nay có 381 dự án đầu tư còn hiệu lực, trong đó có 340 dự án trong nước với vốn đăng ký 121.886,04 tỷ đồng, 41 dự án FDI với vốn đăng ký 3.106,81 triệu USD

(2) Đến nay có 3.201 doanh nghiệp

Phụ lục số 3. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021



T T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020			Năm 2021			So sánh 6 tháng			So sánh cả năm (%)	
			Thực hiện 6 tháng	Thực hiện cả năm	Kế hoạch	ƯTH tháng 6	ƯTH 6 tháng	ƯTH Cả năm	Kế hoạch	Củng kỳ	Kế hoạch	Củng kỳ	
A	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - TTCN (GIÁ 2010)	Tỷ đồng	18,347.861	37,678.760	45,145.000	3,311.440	18,938.493	45,145.000	41.95	103.22	100.00	119.82	
	<i>Trong đó:</i>												
	- Khai khoáng	Tỷ đồng	6.230	12.950	13.220	0.720	6.524	13.220	49.35	104.72	100.00	102.08	
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	"	7,162.632	15,621.170	16,492.000	1,501.850	8,056.756	16,492.000	48.85	112.48	100.00	105.57	
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.	"	11,043.389	21,756.270	28,326.900	1,785.010	10,737.487	28,326.900	37.91	97.23	100.00	130.20	
	- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	"	135.610	288.370	312.880	23.860	137.726	312.880	44.02	101.56	100.00	108.50	
	Sản phẩm chủ yếu:												
1	Thủy sản đông lạnh	Tấn	4,926	10,375	11,500	680	3,888	11,500	33.81	78.92	100.00	110.84	
2	Dường kết	Tấn	12,371	12,371	15,000		5,951	15,000	39.67	48.10	100.00	121.25	
3	Than hoạt tính	Tấn	3,874	7,427	7,800	850	4,745	7,800	60.83	122.48	100.00	105.02	
4	Thuốc viên các loại	Tr.viên	451	866	1,002	95	664	1,002	66.29	147.23	100.00	115.68	
5	Máy mặc (quần áo các loại)	1000chiếc	2,826	6,171	9,488	600	2,930	9,488	30.88	103.69	100.00	153.75	
6	Thảm dệt các loại	1000m ²	886	1,795	2,000	180	1,133	2,000	56.64	127.84	100.00	111.41	
7	Nước sinh hoạt	1000m ³	15,825	30,271	32,800	2,820	16,345	32,800	49.83	103.28	100.00	108.36	
8	Gạo xay xát	Tấn	151,584	320,799	749,834	25,165	151,307	749,834	20.18	99.82	100.00	233.74	
9	Bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô	1000 bộ	5,341	7,675	11,235	1,090	5,904	11,235	52.55	110.56	100.00	146.39	
10	Sản xuất túi xách các loại	1000cái	888	2,391	3,725	300	1,585	3,725	42.56	178.45	100.00	155.80	
11	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. Kwh	546	1,085	1,300	103	557	1,300	42.87	101.99	100.00	119.77	
12	Sản lượng điện sản xuất	Tr. Kwh	10,546	19,525	26,748	1,769	10,138	26,748	37.90	96.13	100.00	136.99	
B	TỶ LỆ HỘ SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG TỈNH	%	98.96	99.12	99.20		99.18	99.20	99.98	100.22	100.00	100.08	
	Phát triển hệ sử dụng điện	Hộ	5,524	10,834	1,422	244	1,014	1,422	71.31	18.36	100.00	13.13	
C	TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ	Tỷ đồng	17,147.25	33,566.38	36,000.00	3,127.06	20,807.17	36,000.00	57.80	121.34	100.00	107.25	
	Bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	12,314.52	23,395.91	24,787.44	2,205.59	14,385.07	24,787.44	58.03	116.81	100.00	105.95	
	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	2,598.55	5,480.49	5,820.00	532.38	3,539.30	5,820.00	60.81	136.20	100.00	106.19	
	Du lịch lữ hành	Tỷ đồng	11.23	22.49	23.20	1.83	13.91	23.20	59.94	123.79	100.00	103.15	

T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		Năm 2021				So sánh 6 tháng		So sánh cả năm (%)	
			Thực hiện 6 tháng	Thực hiện cả năm	Kế hoạch	ƯTH tháng 6	ƯTH 6 tháng	ƯTH Cả năm	Kế hoạch	Cùng kỳ	Kế hoạch	Cùng kỳ
T	Dịch vụ khác	Tỷ đồng	2.222.95	4.667.50	5.369.36	387.26	2.868.89	5.369.36	53.43	129.06	100.00	115.04

Phụ lục số 2. SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021



T	T	Đơn vị tính	Năm 2020			Năm 2021			So sánh 6 tháng (%)		So sánh cả năm (%)		
			Thực hiện 6 tháng	Thực hiện cả năm	Kế hoạch	ƯTH tháng 6	ƯTH 6 tháng	ƯTH Cả năm	Kế hoạch	Cùng kỳ	Kế hoạch	Cùng kỳ	
	GTSX NÔNG-LÂM-THỦY HẢI SẢN (GIÁ SƠ SÁNH)	Tỷ đồng	10,444.46	27,152.66	28,105		11,829.15	28,105	42.09	113.26	100.00	103.51	
	GTSX nông nghiệp	"	6.590	16.262	17.005		7.388	17.006	43.45	112.11	100.00	104.57	
	GTSX Lâm nghiệp	"	157.17	297.00	300		150.82	300.00	50.27	95.96	100.00	101.01	
	GTSX thủy, hải sản	"	3.697	10.594	10.800		4.290	10.799	39.72	116.04	99.99	101.94	
	A NÔNG NGHIỆP												
	Diện tích gieo trồng hàng năm	Ha	159,351	255,403	245,996		36,511	165,217	256,714	67.16	103.68	104.36	100.51
	* Cây lương thực có hạt												
	- Diện tích gieo trồng	ha	130,123	208,833	198,146		33,471	135,474	208,864	68.37	104.11	105.41	100.01
	- Diện tích thu hoạch	ha	48,204	192,110	198,146		12,965	63,172	208,864	31.88	131.05	105.41	108.72
	- Sản lượng	Tấn	234,753	963,599	1,105,484		87,487	401,376	1,162,314	36.31	170.98	105.14	120.62
	I Lúa cả năm												
	- Diện tích gieo sa	Ha	127,720	205,114	194,346		33,306	133,064	205,064	68.47	104.18	105.51	99.98
	- Diện tích thu hoạch	Ha	46,133	188,392	194,346		12,569	61,064	205,064	31.42	132.37	105.51	108.85
	- Năng suất	Tấn/ha	4.83	5.01	5.58		6.80	6.37	5.57	114.18	131.80	99.74	111.18
	- Sản lượng	Tấn	223,044	943,154	1,084,584		85,424	389,114	1,141,414	35.88	174.46	105.24	121.02
	a Lúa mùa												
	- DT gieo sa	Ha	2,263	2,263	2,263			1,330	1,330		58.77		58.77
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,214	2,214	2,214			1,330	1,330		60.07		60.07
	- Năng suất	Tấn/ha	3.94	3.94	3.94			4.87	4.87		123.46		123.50
	- Sản lượng	Tấn	8,726	8,722	8,722			6,471	6,471		74.16		74.19
	b Vụ Đông Xuân												
	- Diện tích xuống giống	Ha	60,457	60,457	50,346			59,734	59,734	118.65	98.80	118.65	98.80
	- Diện tích thu hoạch	Ha	43,919	43,919	50,346			59,734	59,734	118.65	136.01	118.65	136.01
	- Năng suất	Tấn/ha	4.88	4.88	6.60			6.41	6.41	97.06	131.27	97.06	131.27
	- Sản lượng	Tấn	214,319	214,319	332,284			382,643	382,643	115.16	178.54	115.16	178.54
	c Lúa Hè thu												
	- Diện tích gieo sa	Ha	65,000	73,738	74,000			72,000	74,000	97.30	110.77	100.00	100.36
	- Diện tích thu hoạch	Ha		73,603	74,000				74,000	-	100.00	100.00	100.54
	- Năng suất	Tấn/ha		4.94	5.20				5.20	-	100.00	100.00	105.21
	- Sản lượng	Tấn		363,781	384,800				384,800	-	100.00	100.00	105.78
	d Lúa Thu đông												
	- Diện tích gieo sa	Ha		68,656	70,000				70,000	-	100.00	100.00	101.96
	- Diện tích thu hoạch	Ha		68,656	70,000				70,000	-	100.00	100.00	101.96
	- Năng suất	Tấn/ha		5.19	5.25				5.25	-	100.00	100.00	101.15

T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		Năm 2021				So sánh 6 tháng (%)		So sánh cả năm (%)		
			Thực hiện 6 tháng	Thực hiện cả năm	Kế hoạch	ƯTH tháng 6	ƯTH 6 tháng	ƯTH Cả năm	Kế hoạch	Cùng kỳ	Kế hoạch	Cùng kỳ	
	- Sản lượng	Tấn		356,333	367,500							100.00	103.13
2	Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm												
	- Diện tích gieo trồng	Ha	31,632	50,289	51,650	3,205	32,153	51,650	62.25	101.65	100.00	102.71	102.71
	- Diện tích thu hoạch	Ha	24,494	50,289	51,650	5,810	24,980	51,650	48.36	101.99	100.00	102.71	102.71
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	23.02	26.35	25.53	34.33	24.00	25.53	94.00	104.23	100.00	96.90	96.90
	- Sản lượng	Tấn	563,926	1,324,889	1,318,608	199,449	599,457	1,318,608	45.46	106.30	100.00	99.53	99.53
a	Màu lương thực												
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3,717	5,971	6,170	467	3,779	6,170	61.26	101.68	100.00	103.33	103.33
	- Diện tích thu hoạch	Ha	3,104	5,971	6,170	832	3,078	6,170	49.89	99.18	100.00	103.33	103.33
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	9.47	9.60	9.71	11.02	9.53	9.71	98.18	100.64	100.00	101.07	101.07
	- Sản lượng	Tấn	29,392	57,349	59,895	9,174	29,336	59,895	48.98	99.81	100.00	104.44	104.44
	Trong đó:												
	+ <i>Bắp</i> :												
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2,404	3,718	3,800	165	2,410	3,800	63.42	100.27	100.00	102.19	102.19
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,071	3,718	3,800	396	2,108	3,800	55.47	101.81	100.00	102.19	102.19
	- Năng suất	Tấn/ha	5.65	5.50	5.50	5.21	5.82	5.50	105.77	102.87	100.00	100.03	100.03
	- Sản lượng	Tấn	11,709	20,445	20,900	2,063	12,262	20,900	58.67	104.73	100.00	102.22	102.22
	+ <i>Khoai lang</i>												
	- Diện tích gieo trồng	Ha	736	1,202	1,250	132	729	1,250	58.29	99.01	100.00	104.02	104.02
	- Diện tích thu hoạch	Ha	591	1,202	1,250	225	544	1,250	43.48	92.03	100.00	104.02	104.02
	- Năng suất	Tấn/ha	17.82	16.18	16.20	16.31	18.27	16.20	112.77	102.51	100.00	100.15	100.15
	- Sản lượng	Tấn	10,525	19,438	20,250	3,676	9,929	20,250	49.03	94.34	100.00	104.18	104.18
	+ <i>Khoai mì</i>												
	- Diện tích gieo trồng	Ha	396	654	670	129	388	670	57.97	98.11	100.00	102.41	102.41
	- Diện tích thu hoạch	Ha	282	654	670	142	259	670	38.67	91.79	100.00	102.41	102.41
	- Năng suất	Tấn/ha	16.27	17.34	17.50	16.30	17.05	17.50	97.40	104.79	100.00	100.90	100.90
	- Sản lượng	Tấn	4,591	11,346	11,725	2,309	4,416	11,725	37.67	96.19	100.00	103.34	103.34
	+ <i>Cây có củ khác</i>												
	- Diện tích gieo trồng	Ha	182	397	450	40	252	450	56.09	138.99	100.00	113.44	113.44
	- Diện tích thu hoạch	Ha	160	397	450	69	167	450	37.20	104.57	100.00	113.44	113.44
	- Năng suất	Tấn/ha	16.04	15.43	15.60	16.30	16.30	15.60	104.47	101.61	100.00	101.12	101.12
	- Sản lượng	Tấn	2,568	6,120	7,020	1,125	2,728	7,020	38.86	106.25	100.00	114.71	114.71
b	Màu thực phẩm												
	- Diện tích gieo trồng	Ha	18,173	30,610	31,980	2,149	18,573	31,980	58.08	102.20	100.00	104.48	104.48
	- Diện tích thu hoạch	Ha	13,627	30,610	31,980	2,024	13,870	31,980	43.37	101.78	100.00	104.48	104.48
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	21.55	22.18	22.19	21.17	22.39	22.19	100.88	103.90	100.00	100.05	100.05

T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020			Năm 2021			So sánh 6 tháng (%)		So sánh cả năm (%)	
			Thực hiện 6 tháng	Thực hiện cả năm	Kế hoạch	ƯTH tháng 6	ƯTH 6 tháng	ƯTH cả năm	Kế hoạch	Cùng kỳ	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Sản lượng	Tấn	293,611	678,881	709,638	42,854	310,491	709,638	43.75	105.75	100.00	104.53
	Trong đó:											
	+ Rau màu các loại											
	- Diện tích gieo trồng	Ha	17,791	30,144	31,500	2,113	18,231	31,500	57.88	102.48	100.00	104.50
	- Diện tích thu hoạch	Ha	13,338	30,144	31,500	1,868	13,617	31,500	43.23	102.09	100.00	104.50
	- Năng suất	Tấn/ha	21.97	22.49	22.50	22.79	22.76	22.50	101.16	103.58	100.00	100.05
	- Sản lượng	Tấn	293,079	677,930	708,750	42,577	309,919	708,750	43.73	105.75	100.00	104.55
	+ Đậu các loại											
	- Diện tích gieo trồng	Ha	382	465	480	36	342	480	71.17	89.35	100.00	103.13
	- Diện tích thu hoạch	Ha	289	465	480	156	253	480	52.72	87.53	100.00	103.13
	- Năng suất	Tấn/ha	1.84	2.04	1.85	1.78	2.26	1.85	122.19	122.92	100.00	90.54
	- Sản lượng	Tấn	532	951	888	277	572	888	64.41	107.59	100.00	93.38
c	Cây công nghiệp ngắn ngày											
	- Diện tích gieo trồng	Ha	9,742	13,708	13,500	589	9,801	13,500	72.60	100.60	100.00	98.48
	- Diện tích thu hoạch	Ha	7,763	13,708	13,500	2,954	8,032	13,500	59.50	103.47	100.00	98.48
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	31.04	42.94	40.67	49.91	32.32	40.67	79.47	104.15	100.00	94.71
	- Sản lượng	Tấn	240,923	588,659	549,075	147,421	259,630	549,075	47.28	107.76	100.00	93.28
	Trong đó:											
	+ Mía cây											
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,315	1,689	1,200	38	1,265	1,200	105.42	96.22	100.00	71.05
	- Diện tích thu hoạch	Ha	798	1,689	1,200	473	790	1,200	65.87	99.00	100.00	71.05
	- Năng suất	Tấn/ha	86.88	97.01	100.00	90.56	88.54	100.00	88.54	101.91	100.00	103.08
	- Sản lượng	Tấn	69,374	163,850	120,000	42,833	69,988	120,000	58.32	100.89	100.00	73.24
	+ Đậu phộng											
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3,888	4,234	4,500	248	3,899	4,500	86.64	100.28	100.00	106.29
	- Diện tích thu hoạch	Ha	3,419	4,234	4,500	440	3,419	4,500	75.98	99.99	100.00	106.29
	- Năng suất	Tấn/ha	5.08	5.08	5.35	5.40	5.12	5.35	95.62	100.64	100.00	105.26
	- Sản lượng	Tấn	17,320	21,520	24,075	2,373	17,491	24,075	72.65	100.98	100.00	111.87
	+ Cây lác											
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,637	2,463	2,500	222	1,640	2,500	65.60	100.18	100.00	101.50
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,237	2,463	2,500	487	1,244	2,500	49.75	100.57	100.00	101.50
	- Năng suất	Tấn/ha	11.96	12.05	12.00	10.90	12.58	12.00	104.84	105.20	100.00	99.61
	- Sản lượng	Tấn	14,787	29,673	30,000	5,311	15,646	30,000	52.15	105.81	100.00	101.10
	+ Cây khác											
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2,902	5,322	5,300	80	2,997	5,300	56.55	103.26	100.00	99.58
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,308	5,322	5,300	1,554	2,579	5,300	48.66	111.71	100.00	99.58
	- Năng suất	Tấn/ha	60.41	70.20	70.75	62.35	60.69	70.75	85.77	100.47	100.00	100.79

T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		Năm 2021				So sánh 6 tháng (%)			So sánh cả năm (%)	
			Thực hiện 6 tháng	Thực hiện cả năm	Kế hoạch	ƯTH tháng 6	ƯTH 6 tháng	ƯTH Cả năm	Kế hoạch	Cùng kỳ	Kế hoạch	Cùng kỳ	
	- Sản lượng	Tấn	139,442	373,616	375,000	96,903	156,505	375,000	41.73	112.24	100.00	100.37	
d	Cây lâu năm												
	- Cây dứa	Tấn	23,100	23,617	23,800		23,700	23,800	99.58	102.60	100.00	100.77	
	+ Sản lượng	Tấn	140,400	309,200	306,000		146,880	306,000	48.00	104.62	100.00	98.97	
	- Cây ăn trái	Tấn	18,052	18,278	18,500		17,400	18,500	94.05	96.39	100.00	101.21	
	+ Sản lượng	Tấn	141,510	268,555	262,000		146,720	262,000	56.00	103.68	100.00	97.56	
3	Chăn nuôi												
	- Đàn heo	Con	213,450	214,139	220,000		220,500	220,000	100.23	103.30	100.00	102.74	
	- Đàn bò, trâu	Con	153,285	190,330	220,000		210,500	220,000	95.68	137.33	100.00	115.59	
	- Đàn dê	Con	16,621	21,500	22,000		19,500	22,000	88.64	117.32	100.00	102.33	
	- Đàn gia cầm	ngàn con	7,616	8,457	7,500		7,534	7,500	100.45	98.91	100.00	88.68	
B	LÂM NGHIỆP												
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	2	99	200		22	63	11.00	1,100.00	31.50	63.64	
	- DT rừng trồng được chăm sóc	Ha		338.32	257		310	310	120.62		120.62	91.63	
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha		5,103	5,720		3,236.84	3,290.00	56.59		57.52	64.47	
	- Số cây lâm nghiệp phân tán	1.000 cây		50								0.00	
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%		4.012	4.30				-		0.00	0.00	
B	THUY - HẢI SẢN:												
1	Tổng sản lượng	Tấn	89,613	224,636	237,580	12,002	91,814	237,580	38.65	102.46	100.00	105.76	
	Trong đó: - Tôm các loại	"	24,039	74,624	78,330	3,999	27,883	78,330	35.60	115.99	100.00	104.97	
	- Sản lượng Khai thác	Tấn	39,185	75,990	79,380	5,543	37,320	79,380	47.01	95.24	100.00	104.46	
	+ Khai thác hải sản (mặn, lợ)	Tấn	35,044	68,038	71,500	4,951	33,580	71,500	46.96	95.82	100.00	105.09	
	Trong đó: - Tôm các loại	"	2,545	5,391	6,000	18	2,368	6,000	39.46	93.04	100.00	111.29	
	- Cá các loại	"	19,300	38,853	40,000	3,275	18,336	40,000	45.84	95.01	100.00	102.95	
	- Hải sản khác	"	13,199	23,794	25,500	1,657	12,875	25,500	50.49	97.55	100.00	107.17	
	+ Khai thác nội đồng (nước ngọt)	Tấn	4,141	7,952	7,880	593	3,741	7,880	47.47	90.33	100.00	99.10	
	Trong đó: - Tôm các loại	"	444	635	630	13	433	630	68.73	97.49	100.00	99.20	
	- Cá các loại	"	990	1,844	1,850	62	976	1,850	52.75	98.59	100.00	100.33	
	- Thủy sản khác	"	2,707	5,473	5,400	518	2,332	5,400	43.18	86.14	100.00	98.67	
	- Sản lượng Nuôi trồng thủy sản	Tấn	50,428	148,646	158,200	6,459	54,494	158,200	34.45	108.06	100.00	106.43	
	Trong đó: + Vùng mặn lợ	"	22,433	75,874	78,500	4,664	27,942	78,500	35.59	124.56	100.00	103.46	
	- Tôm sú	"	4,378	13,346	12,500	960	5,036	12,500	40.29	115.02	100.00	93.66	
	- Tôm thẻ chân trắng	"	15,607	53,358	56,800	2,847	19,300	56,800	33.98	123.66	100.00	106.45	

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020			Năm 2021			So sánh 6 tháng (%)		So sánh cả năm (%)	
			Thực hiện 6 tháng	Thực hiện cả năm	Kế hoạch	ƯTH tháng 6	ƯTH 6 tháng	ƯTH Cả năm	Kế hoạch	Cùng kỳ	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Cua biển	"	2,009	7,012	7,000	580	2,639	7,000	37.70	131.33	100.00	99.83
	- Thủy sản khác	"	438	2,158	2,200	277	967	2,200	43.95	220.86	100.00	101.94
	+ <i>Vàng nước ngọt</i>	"	27,995	72,772	79,700	1,795	26,552	79,700	33.31	94.84	100.00	109.52
	- Tôm càng xanh	"	1,064	1,894	2,400	161	746	2,400	31.08	70.08	100.00	126.75
	- Cá lóc	"	18,878	47,525	48,300	600	18,580	48,300	38.47	98.42	100.00	101.63
	- Cá tra, cá ba sa	"	2,481	4,820	6,000	-	1,651	6,000	27.52	66.54	100.00	124.49
	- Cá các loại	"	5,571	18,533	23,000	1,034	5,575	23,000	24.24	100.06	100.00	124.10
2	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	42,485	62,500	57,600	5,469	35,927	57,600	62.37	84.56	100.00	92.16
	- Diện tích nuôi mặn, lợ	Ha	41,702	59,200	53,400	5,340	35,230	53,400	65.97	84.48	100.00	90.20
	<i>Trong đó: - Nuôi tôm sú</i>	"	19,207	25,000	23,000	3,010	17,460	23,000	75.91	90.90	100.00	92.00
	<i>- Tôm thẻ chân trắng</i>	"	4,245	9,000	9,500	530	3,850	9,500	40.53	90.70	100.00	105.56
	<i>- Nuôi cua biển</i>	"	18,000	23,500	19,000	1,780	13,450	19,000	70.79	74.72	100.00	80.85
	<i>- Thủy sản khác</i>	"	250	1,700	1,900	20	470	1,900	24.74	188.00	100.00	111.76
	- Diện tích nuôi nước ngọt	Ha	784	3,300	4,200	129	697	4,200	16.60	88.94	100.00	127.27
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm sú</i>											
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	16,449	22,199		2,080	15,230			92.59		0.00
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	1,646	2,502		440	1,350			82.02		0.00
	- Diện tích thả nuôi	Ha	19,207	24,890		3,010	17,460			90.90		0.00
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	750	966		272	650			86.67		0.00
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1,240	1,738		200	1,150			92.74		0.00
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	120	201		23	110			91.36		0.00
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	9.71	11.57		11.50	9.57			98.51		0.00
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>											
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	11,262	20,320		425	10,985			97.54		0.00
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2,361	3,712		690	2,050			86.83		0.00
	- Diện tích thả nuôi	Ha	4,245	9,178		530	3,850			90.70		0.00
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	785	1,461		375	740			94.28		0.00
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	2,888	5,335		430	3,150			109.09		0.00
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	610	859		260	580			95.08		0.00
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	21.13	16.10		60.47	18.41			87.16		0.00